

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2020/DS-ST

Ngày: 28-8-2020

V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Vĩnh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Thành Công.
2. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tiểu Thơ, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 129/2020/TLST-DS ngày 14/5/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2020/QĐXX-DS ngày 11 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Th, sinh năm 1964, địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh T.

- *Bị đơn:* Chị Ngô Thị Thu TH, sinh năm 1979, địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh T.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1971, địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện C, tỉnh T.

Bà Th và chị TH có mặt tại phiên tòa.

Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/5/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Th trình bày:

Từ năm 2018 đến năm 2020, bà có tham gia 15 dây hụi do chị TH làm chủ hụi, cụ thể:

Dây thứ nhất, hụi 3.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, khui vào ngày 15/8/2018 âm lịch, có tổng cộng 21 phần, bà tham gia 01 phần, đến lần thứ 18 bà hốt hụi được số tiền sau khi trừ hoa hồng là 54.300.000 đồng, nhưng chị TH không giao tiền cho bà.

Dây thứ 2, hụi 5.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, khui vào ngày 06/02/2019 âm lịch, có tổng cộng 22 phần, bà tham gia 01 phần, đến lần thứ 13 bà hốt hụi được số tiền sau khi trừ hoa hồng là 80.000.000 đồng, nhưng chị TH không giao tiền cho bà và sau đó chị TH tự ý trừ tiền hụi chết 45.000.000 đồng nên chị TH còn nợ bà 35.000.000 đồng.

Dây thứ 3, hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, khui vào ngày 29/3/2019 âm lịch, có tổng cộng 21 phần, bà tham gia 01 phần. Sau khi tham gia, bà đã đóng hụi sống được 11 lần với số tiền 11.000.000 đồng, thì chị TH tự ý ngưng hụi và cũng không trả tiền cho bà.

Dây thứ 4, hụi 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, khui vào ngày 29/3/2019 âm lịch, có tổng cộng 21 phần, bà Anh tham gia 01 phần, bà Anh đóng được 5 lần thì bà mua lại phần hụi của bà Anh. Sau đó, bà đã đóng hụi sống thêm 6 lần nữa, tổng cộng được 11 lần với số tiền 14.050.000 đồng, thì chị TH tự ý ngưng hụi và cũng không trả tiền cho bà.

Dây thứ 5, hụi 500.000 đồng, mỗi tuần khui một lần vào ngày thứ sáu, khui vào ngày 24/9/2019 âm lịch, có tổng cộng 25 phần, bà tham gia 02 phần. Sau khi tham gia, bà đã đóng hụi sống được 24 lần, đến lần cuối bà hốt hụi được số tiền sau khi trừ hoa hồng là 21.500.000 đồng, nhưng chị TH không giao tiền cho bà.

Dây thứ 6, hụi 500.000 đồng, mỗi tuần khui một lần vào ngày thứ sáu, khui vào ngày 03/11/2019 âm lịch, có tổng cộng 25 phần, bà tham gia 02 phần. Sau khi tham gia, bà đã đóng hụi sống được 15.000.000 đồng. Sau đó, chị TH tự ý ngưng hụi nhưng chị TH không trả tiền cho bà.

Dây thứ 7, hụi 500.000 đồng, mỗi tuần khui một lần vào ngày thứ sáu, khui vào ngày 05/12/2019 âm lịch, có tổng cộng 25 phần, bà tham gia 04 phần. Sau khi tham gia, bà đã đóng hụi sống được 6.270.000 đồng. Sau đó, chị TH tự ý ngưng hụi nhưng chị TH không trả tiền cho bà.

Dây thứ 8, hụi 500.000 đồng, mỗi tuần khui một lần vào ngày thứ sáu, khui vào ngày 02/01/2020 âm lịch, có tổng cộng 25 phần, bà tham gia 02 phần. Sau khi tham gia, bà đã đóng hụi sống được 4.800.000 đồng. Sau đó, chị TH tự ý ngưng hụi nhưng chị TH không trả tiền cho bà.

Dây thứ 9, hụi 500.000 đồng, mỗi tuần khui một lần vào ngày thứ sáu, khui vào ngày 14/01/2020 âm lịch, có tổng cộng 25 phần, bà tham gia 02 phần. Sau khi tham gia, bà đã đóng hụi sống được 3.600.000 đồng. Sau đó, chị TH tự ý ngưng hụi nhưng chị TH không trả tiền cho bà.

Ngoài ra bà còn tham gia của chị TH 6 dây hụi ngày. Sau khi tham gia, bà đã đóng hụi sống cho chị TH với số tiền 90.880.000 đồng thì chị TH tự ý ngưng hụi nhưng chị TH không trả tiền cho bà.

Tổng cộng 15 dây hụi sau khi trừ tiền hụi chết mà bà phải đóng lại cho chị TH thì chị TH còn nợ của bà số tiền 194.200.000 đồng.

Nay bà khởi kiện yêu cầu chị TH trả cho bà số tiền hụi 194.200.000 đồng, yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại biên bản hòa giải ngày 11/6/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn chị TH trình bày: Chị thừa nhận bà Th có tham gia 15 dây hụi do chị làm chủ hụi và nợ bà Th tiền hụi là 194.200.000 đồng. Tuy nhiên, em dâu của bà Th là chị Nguyễn Thị H có nợ chị số tiền 1.283.000.000 đồng, nên vào ngày 06/3/2020 âm lịch, giữa chị với bà Th, chị H có thỏa thuận miệng với nội dung: Chị H sẽ trả cho bà Th số tiền 194.200.000 đồng mà chị đã nợ bà Th. Do đó, chị không còn nợ tiền bà Th nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Th.

Bà Th không thừa nhận có sự chuyển nghĩa vụ trả nợ từ chị TH sang cho chị H.

Tại tờ tường trình của chị H thể hiện nội dung: Chị H có mượn của bà Lê Thị Th số tiền 195.000.000 đồng, để trả cho chị Ngô Thị Thu TH.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Đây là tranh chấp hợp đồng góp hụi được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét bà Th yêu cầu chị TH trả ngay số tiền nợ hụi 194.200.000 đồng, thấy rằng:

Chị TH đã thừa nhận có nợ bà Th tiền hụi 194.200.000 đồng. Tuy nhiên, chị TH cho rằng giữa chị TH với bà Th và chị H có thỏa thuận miệng với nội dung: Chị H sẽ trả cho bà Th số tiền 194.200.000 đồng mà chị TH đã nợ bà Th, không được bà Th thừa nhận nhưng chị TH không có chứng cứ chứng minh. Trong khi đó chị H chỉ trình bày có mượn của bà Th số tiền 195.000.000 đồng, để trả cho chị TH mà không có nội dung chuyển giao nghĩa vụ trả nợ từ chị TH qua cho chị H. Nên Hội đồng xét xử không chấp nhận lời khai này của chị TH.

Bà Th là hụi viên đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của hụi viên là đóng tiền hụi đầy đủ. Nhưng chị TH đã không thực hiện đúng nghĩa vụ của chủ hụi theo thỏa thuận là có lỗi, vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi được quy định tại Điều 18 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ nên chị TH phải chịu trách nhiệm do vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ. Do đó, chị TH phải có nghĩa vụ trả cho bà Th tiền hụi 194.200.000 đồng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Th.

[4] Về án phí: Chị TH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Th.
 2. Buộc chị Ngô Thị Thu TH có nghĩa vụ trả ngay cho bà Lê Thị Th số tiền hụi 194.200.000 đồng (Một trăm chín mươi hai triệu, hai trăm nghìn đồng).
 3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Lê Thị Th có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị Ngô Thị Thu TH chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.
 4. Về án phí: Chị Ngô Thị Thu TH phải chịu 9.710.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Trả lại cho bà Lê Thị Th 4.855.000 đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005306 ngày 14/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.
5. Bà Th, chị TH có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Công Vĩnh Đức